

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 7 năm 2024 về việc
“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Xuân Ton

- Bà Lê Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Nam

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa
tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Chị Lương Thị HT; Sinh năm: 1999.

Địa chỉ: Thôn Cao Tiến, xã Luận T, huyện Thường Xuân, Thanh Hóa.

2. Bị đơn: - Anh Cầm Văn T; Sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Thôn Kha, xã Luận Khê, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 4 năm 2024 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lương Thị HT trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trang và anh Cầm Văn T chung sống với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đã thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Luận Khê, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 13/4/2017. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 7 năm 2020

bắt đầu có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi cự nhau, mặc dù hai bên đã nói chuyện hòa giải nhưng không có thay đổi, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2020 đến nay, hai bên không còn quan tâm tới nhau, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, nên chị Trang yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Cẩm Văn T.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung và công nợ*: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, đơn trình bày và các biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Cẩm Văn T trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh T đồng ý với phần nội dung trình bày và việc đăng ký kết hôn của chị HT là đúng. Trong quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau khi chị Trang đi làm công ty thì có thay đổi về tính cách dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã hòa giải với nhau nhưng không T, chị Trang đã bỏ về bên nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2020 cho đến nay. Hiện nay anh T thấy vẫn còn tình cảm với chị Trang do đó anh T không đồng ý ly hôn chị Trang.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh T xác nhận giữa anh và chị Trang không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung và công nợ*: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Kết quả, chị Trang và anh T vẫn không thống nhất được về hôn nhân. Do đó Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị Trang có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Anh T có mặt tại phiên tòa có ý kiến không đồng ý ly hôn với chị Trang.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Thường Xuyên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng; trong quá trình giải

quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản, thông báo và tổ chức phiên họp về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kiên trì tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Về yêu cầu của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Chị Lương Thị HT khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn với anh Cầm Văn T. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bị đơn anh Cầm Văn T có nơi cư trú tại thôn Kha, xã Luận Khê, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với chị Trang.

[2] Về nội dung:

- *Về hôn nhân*: Nguyên đơn chị Lương Thị HT và bị đơn anh Cầm Văn T chung sống với nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 13/4/2017 tại UBND xã Luận Khê, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi cự nhau dẫn đến hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc. Nay chị Trang xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ thời điểm tháng 9/2020, chị Trang và anh T đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm tới nhau, mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị Trang xét thấy tình cảm giữa chị và anh T không còn nên chị Trang tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Trang và anh T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày

15/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trang, cho chị Trang được ly hôn anh T là có căn cứ.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Trang và anh T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và công nợ chung*: Chị Trang, anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- *Về quyền kháng cáo*: Chị Trang và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị HT.

Chị Lương Thị HT được ly hôn anh Cẩm Văn T.

2. Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản và công nợ: Chị Trang, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lương Thị HT phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Trang đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0006365 ngày 15/4/2024. Số tiền này được trừ vào số tiền án phí mà chị Trang phải nộp, theo đó chị Trang đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn anh Cẩm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Nguyên đơn chị Lương Thị HT có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thường Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thường Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Luận Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Long